

Bản án số: 56/2018/HSST

Ngày: 27- 4 - 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Bảo Hồng.

2/ Bà Lý Ngọc Mạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXXST - HS, ngày 12/4/2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Tấn S (tên gọi khác: Ké), sinh ngày 03/10/1991, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: Số 118/22 Đường V, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T © và bà Nguyễn Thị Thúy N ©; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 08/9/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện, thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 11/10/2014; nhân thân: Tại bản án số 14/2010/HSST, ngày 12/01/2010, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, đến ngày 13/7/2011 chấp hành xong hình phạt tù và được về địa phương. Đã đóng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Riêng về phần bồi thường dân sự, Chi cục thi hành án chưa thụ lý vì chưa nhận được đơn yêu cầu thi hành án của người bị hại. Ngày 11/10/2012, bị Công an Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bắt đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm Giáo dục Đào tạo Thanh thiếu niên 2; đến ngày

11/10/2014 được trở về địa phương, tái hòa nhập cộng đồng; bị bắt tạm giam từ ngày 20/10/2017. (Có mặt).

2. Trần Xuân V, sinh ngày 10/10/1980, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 10/27 đường H, Phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T © và bà Nguyễn Kim A; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 28/10/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện, thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 29/11/2014. Tháng 3/2017, sử dụng trái phép chất ma túy, Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định quản lý giáo dục tại địa phương, thời hạn 03 tháng; nhân thân: Ngày 09/03/1998, bị bắt đưa đi cai nghiện ma túy tại Trung tâm Giáo dục Dạy nghề Bình Triệu, thời gian 03 tháng. Ngày 04/02/1999, Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bắt đi cải tạo 06 tháng theo Nghị định số 19/NĐ-CP. Tại bản án số 248/HSST ngày 07/3/2001, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; đến ngày 03/6/2003 chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương. Về phân dân sự, hiện Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh chưa nhận được bản án 248/HSST ngày 07/3/2001 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nên chưa ra quyết định thi hành án. Ngày 26/6/2006, bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Phú Đức, thời hạn là 02 năm. Ngày 30/6/2010, bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Phước Bình, thời hạn là 02 năm; đến ngày 30/6/2012 được về địa phương, sau đó bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện, thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 01/7/2012. Ngày 29/11/2012, bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Phước Bình, thời hạn là 02 năm; đến ngày 29/11/2014 về địa phương; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2017. (Có mặt).

3. Phan Văn C, sinh năm: 1977, tại: Hà Nội; nơi cư trú: Số 15/16 đường L, Phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Như H © và bà Nguyễn Thị T; vợ: Nguyễn Thị Thanh Đ (sinh năm: 1980); con: Có 02 người con (sinh năm 2001 và 2005); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 8/6/2005 bị Công an huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương bắt về hành vi “Cướp tài sản”. Tại bản án số 43/2006/HSST, ngày 27/02/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”; đến ngày 24/10/2007 chấp hành xong bản án; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2017. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Phan Lâm Tiên G, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: Số 15/16 đường L, Phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Phan Lâm Tiên G: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1948. Nơi cư trú: Số 15/16 đường L, Phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền số công chứng: 002462, quyền số 01/2018 TP/CC-SCC/HĐGD, lập ngày 22/02/2018, tại trụ sở Văn phòng Công chứng Huỳnh Thị Ngọc Y, 50A Số

15/16 đường L, Phường MB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 20 phút, ngày 24/7/2017, tại trước số 442 Đường V, Phường M, Quận T; đội đặc nhiệm của phòng PC 45, Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang Trần Xuân V đang ngồi sau xe gắn máy, biển số 54S1-1194, do Phan Văn C điều khiển trên tay cầm 01 gói nylon chứa ma túy. Tạm giữ của C 01 điện thoại di động, 01 xe mô tô. Vụ việc, được đưa về trụ sở Công an Phường 12, Quận 8 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Sau đó, chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an Quận 8 xử lý theo thẩm quyền.

Theo bản kết luận giám định số 1283/KLGD-H ngày 31/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Chất bột màu trắng trong 1 gói nylon được niêm phong có chữ ký ghi tên Trần Xuân V, Phan Văn C và hình dấu Công an Phường 12, Quận 8 gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1471g (không phẩy một bốn bảy một gam), loại Heroin”.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Trần Xuân V và Phan Văn C khai nhận: Cả hai nghiện ma túy và chạy xe ôm chung trước cổng Bệnh viện U, quận BT, nên quen biết nhau. Khoảng 12 giờ, ngày 24/7/2017, trong lúc ngồi chờ khách, V rủ C hùn mỗi người 90.000 đồng qua địa bàn Quận 8 tìm mua ma túy về sử dụng chung thì được C đồng ý. V mang xe gửi vào bãi giữ xe của bệnh viện, sau đó C chở V đến trước số 971 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8 thì V xuống xe và mua của Trần Tấn S (thường gọi là Ké) 01 gói Heroin với giá 180.000 đồng. Mua được ma túy, V cầm gói ma túy bên tay trái, khi C chở V đi đến trước nhà số 442 Đường V, Phường M, Quận T thì bị bắt quả tang như trên.

Ngoài ra, Trần Xuân V và Phan Văn C còn khai nhận: Trước khi bị phát hiện bắt quả tang, vào khoảng 14 giờ, ngày 22/7/2017, V và C đã mua của Trần Tấn S (thường gọi là Ké) 01 gói Heroin với giá 180.000 đồng.

Quá trình điều tra, ngày 20/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 bắt tạm giam Trần Tấn S về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Trần Tấn S khai nhận: Do cần tiền tiêu xài, nên S thực hiện hành vi mua bán ma túy để kiếm lời. Trung bình mỗi ngày S mua 01 gói Heroin với giá 375.000 đồng, đem về chia nhỏ thành 03 phần, 01 phần S sử dụng, còn 02 phần S bỏ vào 02 gói nylon, S đem bán lại cho người khác với giá 190.000 đồng/gói. Phan Văn C và Trần Xuân V đã mua ma túy của Trần Tấn S được 02 lần, lần thứ nhất vào khoảng 14 giờ, ngày 22/7/2017 và lần thứ hai vào khoảng 14 giờ 15 phút, ngày 24/7/2017, cũng tại trước số 971 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8. Mỗi lần S bán cho C và V 01 gói ma túy với giá 180.000 đồng. Sau khi bán ma túy cho C và V vào ngày 24/7/2017, biết C và V bị Công an bắt, nên S đã bỏ trốn khỏi địa phương; đến ngày 20/10/2017, thì S bị bắt như trên. Tính đến ngày 24/7/2017, S đã bán ma túy được 30 ngày, thu lợi số tiền 3.965.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Điện thoại di động hiệu Samsung, màu trắng, thu giữ của Phan Văn C; điện thoại này C dùng để liên lạc gia đình và khách đi xe ôm.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 54S1-1194, thu giữ của Phan Văn C, qua xác minh do bà Phạm Lâm Tiên Giang (là em gái của C) đứng tên chủ sở hữu, bà G giao chiếc xe cho C sử dụng làm phương tiện kiếm sống hằng ngày của gia đình; việc C sử dụng chiếc xe vào việc đi mua ma túy bà G không biết.

Bản cáo trạng số 84/CT-VKS ngày 11/4/2018, của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Tấn S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và truy tố các bị cáo: Trần Xuân V, Phan Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Trần Tấn S mức án tù 08 (Tám) năm đến 09 (Chín) năm tù, bị cáo Trần Xuân V mức án tù 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù và bị cáo Phan Văn C mức án tù 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung và số tiền thu lợi bất chính: Phạt bị cáo Trần Tấn S số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và buộc bị cáo Trần Tấn S nộp lại số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có (theo khai nhận của bị cáo); để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với các bị cáo: Trần Xuân V, Phan Văn C được miễn về phần hình phạt bổ sung (do các bị cáo phạm tội không nhằm mục đích thu lợi bất chính và có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, khó thi hành).

- Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật (tịch thu tiêu hủy gói niêm phong chứa ma túy, trả lại cho bị cáo C 01 chiếc điện thoại di động đã thu giữ và trả lại cho bà G 01 chiếc xe gắn máy đã thu giữ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Tấn S đã khai nhận toàn bộ hành vi mua và bán trái phép chất ma túy cho các bị cáo Trần Xuân V, Phan Văn C; đồng thời, các bị cáo Trần Xuân V, Phan Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi mua gói ma túy của bị cáo Trần Tấn S, sau đó cất giữ, cất giấu trái phép chất ma túy để sử dụng do bị nghiện; thì bị đội đặc nhiệm của phòng PC 45, Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện bắt quả tang cùng tang vật, vào khoảng 14 giờ 20 phút, ngày 24/7/2017, tại trước số 442 Đường V, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ma túy thu giữ của bị cáo Trần Xuân V và Phan Văn C, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 0,1471g (không phẩy một bốn bảy một gam), loại Heroin.

Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận:

- Bị cáo Trần Tấn S đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Các bị cáo: Trần Xuân V, Phan Văn C đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt:

Các bị cáo: Trần Tấn S, Trần Xuân V, Phan Văn C đã thừa nhận: Bị cáo Trần Tấn S đã bán ma túy cho bị cáo V và C được 02 (Hai) lần, cụ thể là:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 14 giờ, ngày 22/7/2017, tại trước số 971 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (01 gói ma túy với giá 180.000 đồng);

- Lần thứ hai: Vào khoảng 14 giờ 15 phút, ngày 24/7/2017, tại trước số 971 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (01 gói ma túy với giá 180.000 đồng).

Do đó, bị cáo Trần Tấn S đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp nhiều lần, được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[4] Đối với hành vi của bị cáo C và V: Theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, hướng dẫn thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội, được quy định tại Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; thì hành vi phạm tội của các bị cáo V, C có đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm) là nhẹ hơn so với mức hình phạt tù quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Do đó, cần áp dụng các quy định có lợi của Bộ luật hình sự năm 2015 khi xét xử và quyết định hình phạt đối với các bị cáo V và C.

[5] Về tính đồng phạm trong vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo V và bị cáo C mang tính đồng phạm giản đơn, không có trính tổ chức chặt chẽ, trong đó bị cáo V có vai trò chính, bị cáo C có vai trò đồng phạm tích cực; nên cũng cần nhắc về tính chất, mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo theo quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo đều có quá trình nhân xấu, đặc biệt là bị cáo S và bị cáo V (tính đến thời điểm phạm tội vẫn còn tiền sự, chưa được xóa); nên cần lưu ý khi lượng hình.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần về hình phạt theo quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[8] Ngoài ra, bị cáo V và bị cáo C đã 02 lần mua ma túy của bị cáo S về sử dụng; tuy nhiên, không thu giữ được lượng ma túy trong lần thứ nhất, nên không có cơ sở giám định để xác định khối lượng ma túy; vì vậy, không có đủ cơ sở xác định các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nhiều lần.

[9] Bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung và số tiền thu lợi bất chính: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Đối với bị cáo S phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính, nên cần phạt bổ sung bị cáo một số tiền nhất định để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với bị cáo V và bị cáo C phạm tội không nhằm mục đích thu lợi bất chính, mà chỉ để sử dụng cho bản thân và các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, khó thi hành; nên không phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

Ngoài ra, bị cáo S còn phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có theo khai nhận của bị cáo là 3.965.000 đồng, để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[11] Về vật chứng:

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài có ghi ký hiệu 1283/2017, chữ ký ghi tên Trần Xuân V, Phan Văn C, hình dấu Công an Phường 12, Quận 8 và chữ ký giám định viên Nguyễn Mạnh Cường; qua giám định bên trong chứa chất ma túy độc hại, nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, màu trắng, gắn sim 1 có số liên lạc: 0936052031, sim 2 có số liên lạc: 01264353887, số Imei: 357189/05/858045/7; là tài sản hợp pháp của bị cáo C và không dùng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo C;

- 01 (một) chiếc xe gắn máy, biển số 54S1-1194, số máy: 5B95 - 003205, số khung: B9507Y - 003205; là tài sản hợp pháp của bà Phan Lâm Tiên G, không liên quan việc phạm tội của bị cáo C, nên trả lại cho bà G.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo Trần Tấn S và các đối tượng đã mua ma túy của bị cáo Trần Tấn S; do không xác định được lai lịch, nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

+ Xử phạt: bị cáo Trần Tấn S (tên gọi khác: Ké) 08 (Tám) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 20/10/2017.

- Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân V 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 24/7/2017.

- Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

+ Xử phạt: Bị cáo Phan Văn C 02 (Hai) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 24/7/2017.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

+ Buộc bị cáo Trần Tấn S (tên gọi khác: Ké) nộp phạt số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

+ Không phạt bổ sung đối với các bị cáo: Trần Xuân V, Phan Văn C.

- Về số tiền thu lợi bất chính: Căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Buộc bị cáo Trần Tấn S (tên gọi khác: Ké) nộp lại số tiền thu bất chính do phạm tội mà có là 3.965.000 đồng, để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong bên ngoài có ghi ký hiệu 1283/2017, chữ ký ghi tên Trần Xuân V, Phan Văn C, hình dấu Công an Phường 12, Quận 8 và chữ ký giám định viên Nguyễn Mạnh Cường;

+ Trả lại cho bị cáo Phan Văn C 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, màu trắng, gắn sim 1 có số liên lạc: 0936052031, sim 2 số liên lạc: 01264353887, số Imei: 357189/05/858045/7;

+ Trả lại cho bà Phan Lâm Tiên G (có bà Nguyễn Thị T là đại diện theo ủy quyền): 01 (một) chiếc xe gắn máy, biển số 54S1 - 1194, số máy: 5B95 - 003205, số khung: B9507Y - 003205.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 18/PNK ngày 20/12/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Trần Tấn S (tên gọi khác: Ké), Trần Xuân V, Phan Văn C; mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Trú